

Số: /BC-UBND

Thanh Liêm, ngày tháng năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2011-2020 VÀ ĐỀ XUẤT NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 HUYỆN THANH LIÊM**

Kính gửi: Sở Tài nguyên&Môi trường

Thực hiện Công văn số 1547/STN&MT-CCDD ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Sở tài Nguyên&Môi trường Hà Nam về việc báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 và đề xuất nhu cầu sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã.

UBND huyện Thanh Liêm báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 trên địa bàn huyện:

#### **I. VIỆC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2011-2020**

##### **1. Việc tổ chức triển khai lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020**

a) Công tác tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Ngày 28/12/2009, UBND tỉnh Hà Nam có công văn số 1754/UBND-NN&TNMT về lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015);

- Ngày 18/01/2010 Sở Tài nguyên và Môi trường ra Hướng dẫn số 40/HD-STN&MT về việc lập và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

- Hướng dẫn số 189/HD-STN&MT của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam ngày 26 tháng 4 năm 2012 về hướng dẫn bổ sung việc lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

- Nghị quyết 05/2012/HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2012 của HĐND tỉnh Hà Nam về việc quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) tỉnh Hà nam;

- Văn bản số 1257/UBND-NN&TNMT ngày 06 tháng 8 năm 2012 về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) trên địa bàn huyện Thanh Liêm;

- Văn bản số 99/TTHĐND ngày 26 tháng 11 năm 2012 của thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc nhất trí với đề nghị điều chỉnh Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của HĐND tỉnh Hà Nam về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) tỉnh Hà Nam;

- Văn bản số 86/UBND-NN&TNMT ngày 18/1/2013 về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) cấp tỉnh;

b) Tổng kết việc triển khai công tác lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020.

- Về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015)

Công tác quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất là một nội dung quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Luật đất đai năm 2013 quy định: “quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất” là 1 trong 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai; công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được quy định từ Điều 35 đến Điều 50 của Luật đất đai và được cụ thể tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ (từ Điều 7 đến Điều 12), Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Ngày 05/07/2013, UBND tỉnh Hà Nam đã ra Quyết định số 722/QĐ-UBND về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Thanh Liêm. Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm đã coi đây là cơ sở để thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong giai đoạn 2011-2020 và làm cơ sở để tiến hành xây dựng phương án Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

- Về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch

Ngày 21/01/2015, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ra Công văn số 187/BTNMT-TCQLĐĐ về việc điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất. Ngày 14/03/2016, UBND tỉnh Hà Nam có công văn số 472/UBND-NN&TNMT về việc chỉ đạo các đơn vị thực hiện lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020. Ngay sau đó, UBND nhân dân huyện đã nhanh chóng tổ chức triển khai Lập Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch và được phê duyệt tại Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 08/09/2018 của UBND tỉnh Hà Nam.

- Về Kế hoạch sử dụng đất hàng năm:

Thực hiện theo Luật đất đai 2013, UBND huyện đã tiến hành xây dựng phương án Kế hoạch sử dụng đất hàng năm ( từ năm 2015 đến 2020) dựa trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Trên cơ sở Quy hoạch, kế hoạch được duyệt, UBND huyện đã tiến hành công bố công khai và tổ chức việc quản lý, sử dụng đất trên địa bàn theo đúng quy hoạch, kế hoạch được duyệt. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là công cụ để quản lý và cơ sở giúp cho công tác giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cấp GCN quyền sử dụng đất.

STT	Tên đơn vị hành chính	Năm triển khai	Năm hoàn thành	Văn bản phê duyệt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>I</b>	<b>TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI LẬP VÀ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2011-2020</b>				
1	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011-2015)	2010	2013	QĐ 722/QĐ-UBND ngày 05/07/2013	
2	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	2015	2018	QĐ 1745/QĐ-UBND ngày 28/09/2018	
3	Lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện				
3.1	Năm 2015	2014	2014	QĐ 1780/QĐ-UBND ngày 31/12/2014	
3.2	Năm 2016	2015	2016	QĐ 1361/QĐ-UBND ngày 08/09/2016	
3.3	Năm 2017	2016	2016	QĐ 2443/QĐ-UBND ngày 30/12/2016	
3.4	Năm 2018	2017	2017	QĐ 2446/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	
3.5	Năm 2019	2018	2019	QĐ 569/QĐ-UBND ngày 04/04/2019	
3.6	Năm 2020	2019	2020	QĐ 629/QĐ-UBND ngày 30/03/2020	

- Những tồn tại trong quá trình tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

+ Nhu cầu sử dụng đất cho phát triển các ngành , lĩnh vực chưa được tính toán khoa học, chưa sát với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội dẫn đến tình trạng thừa thiếu thương phải điều chỉnh.

+ Thời gian thực hiện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kéo dài (phụ thuộc vào phân bổ cấp trên) dẫn đến khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đã trễ, làm ảnh hưởng đến tính khả thi của phương án quy hoạch, kế hoạch.

+ Sự gắn kết giữa quy hoạch sử dụng đất với các quy hoạch khác còn thiếu sự nhất quán, đặc biệt là quy hoạch xây dựng, quy hoạch giao thông, quy hoạch ngành do không thống nhất về kỳ quy hoạch, tiêu chí phân loại đất, định mức và chỉ tiêu loại đất.

## **2. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 134/2016/QH13**

- Kết quả việc xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt trên địa bàn

Thực hiện Nghị quyết số 134/2016/QH13 ngày 09/04/2016 của Quốc hội về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) cấp Quốc gia; Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 09/05/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Hà Nam. Ngày 14/12/2017 UBND tỉnh Hà Nam đã có văn bản số 3609/UBND-NN&TNMT về điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 tại các huyện, thành phố.

Ngày 28/9/2018, UBND tỉnh Hà Nam đã ra quyết định số 1745/QĐ-UBND về Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Thanh Liêm. Trong đó, diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt trên địa bàn huyện đến năm 2020 là 6.077,00 ha. Kết quả thực hiện đến nay (dự kiến 31/12/2020) diện tích đất trồng lúa là 6.315,15 ha cao hơn chỉ tiêu quy hoạch đề ra là 238,15 ha.

- Kết quả rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng

+ Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được duyệt, diện tích đất rừng phòng hộ là 279,00 ha. Kết quả thực hiện đến nay diện tích đất rừng phòng hộ là 709,95 ha;

+ Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được duyệt, diện tích đất rừng sản xuất là 853,00 ha. Kết quả thực hiện đến nay diện tích đất rừng sản xuất là 275,52 ha;

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất:

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(4)	(5)	(5)=(4)-(3)	(6)=(4)/(3)*100%
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>8.349,00</b>	<b>8.818,83</b>	<b>469,83</b>	<b>105,63</b>
-	Đất trồng lúa	6.077,00	6.315,15	238,15	103,92
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>6.077,00</i>	<i>6.131,09</i>	<i>54,09</i>	<i>100,89</i>
-	Đất trồng cây hàng năm khác	423,00	591,17	168,17	139,76
-	Đất trồng cây lâu năm	187,00	249,63	62,63	133,49
-	Đất rừng phòng hộ	279,00	709,95	430,95	254,46
-	Đất rừng đặc dụng				
-	Đất rừng sản xuất	853,00	275,52	-577,48	32,30
-	Đất nuôi trồng thủy sản	433,00	598,87	165,87	138,31
-	Đất nông nghiệp khác	97,00	78,54	-18,46	80,97
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>7.298,39</b>	<b>6.153,51</b>	<b>-1.144,88</b>	<b>84,31</b>
-	Đất quốc phòng	83,00	80,07	-2,93	96,47
-	Đất an ninh	3,00	0,61	-2,39	20,18
-	Đất khu công nghiệp	113,00	53,37	-59,63	47,23
-	Đất cụm công nghiệp	46,00	19,86	-26,14	43,17
-	Đất thương mại, dịch vụ	18,00	1,80	-16,20	10,03
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	481,00	248,07	-232,93	51,57
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	1.560,00	1.349,78	-210,22	86,52
-	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2.777,38	2.274,09	-503,29	81,88
+	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>22,00</i>	<i>13,51</i>	<i>-8,49</i>	<i>61,43</i>
+	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>6,00</i>	<i>5,34</i>	<i>-0,66</i>	<i>89,06</i>
+	<i>Đất cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>54,00</i>	<i>50,11</i>	<i>-3,89</i>	<i>92,79</i>
+	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>237,00</i>	<i>15,51</i>	<i>-221,49</i>	<i>6,54</i>
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	10,00	0,00	-10,00	0,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	19,00	33,57	14,56	176,62
-	Đất ở tại nông thôn	994,00	823,46	-170,55	82,84
-	Đất ở tại đô thị	90,00	149,75	59,75	166,39
-	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	29,00	9,63	-19,37	33,20
-	Đất cơ sở tôn giáo	45,00	31,50	-13,50	69,99
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	166,00	163,87	-2,13	98,72
-	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	389,23	339,46	-49,78	87,21
-	Đất sinh hoạt cộng đồng				
-	Đất cơ sở tín ngưỡng	18,80	19,97	1,17	106,22
-	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	365,33	394,29	28,96	107,93
-	Đất có mặt nước chuyên dùng	76,78	140,08	63,30	182,44
-	Đất phi nông nghiệp khác	13,86	16,71	2,85	120,56
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>844,00</b>	<b>1.519,47</b>	<b>675,47</b>	<b>180,03</b>

### **3. Kết quả thực hiện Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất của huyện Thanh Liêm thời kỳ 2011-2020**

- Thực hiện Quyết định số 722/QĐ - UB ngày 05/07/2013 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Thanh Liêm. Từ đó đến nay huyện đã triển khai việc thu hồi đất, giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất,... theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Kết quả thực hiện đã đạt được những thành tựu nhất định, giúp cho việc quản lý sử dụng đất đi vào nề nếp và phục vụ tốt cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong những năm qua.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phê duyệt theo Quyết định của UBND tỉnh (Đính kèm Phụ biểu 03).

- Theo Quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2020, diện tích đất chưa sử dụng còn lại là 796,86 ha nhưng thực tế dự kiến đến nay diện tích đất chưa sử dụng là 1.519,47 ha. Nguyên nhân là do các dự án sản xuất VLXD, khoáng sản nằm trong quy hoạch sử dụng đất nhưng chưa được thực hiện.

- Những tồn tại và nguyên nhân

Những tồn tại chính trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất là tỷ lệ các công trình thực hiện còn thấp so với chỉ tiêu quy hoạch đề ra, đồng thời có nhiều công trình được thực hiện nhưng lại không có trong quy hoạch. Do những nguyên nhân chủ yếu sau:

+ Nguồn kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất không có hoặc chưa có dẫn tới việc chưa thể thực hiện các công trình theo quy hoạch đã đề ra.

+ Chính sách pháp luật về đất đai có nhiều thay đổi (đặc biệt là thay đổi liên quan đến giá bồi thường giải phóng mặt bằng), tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng kịp những đòi hỏi trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thiếu quy phạm, chế tài cụ thể để xử lý những phát sinh trong thực tế. Từ đó đã làm ảnh hưởng đến công tác giải phóng mặt bằng (chậm tiến độ) tạo quỹ đất sạch cho các dự án.

+ Một số ngành xây dựng chỉ tiêu quá lớn chưa sát với thực tế.

### **4. Hiện trạng và biến động sử dụng đất trên địa bàn thời kỳ 2011-2020**

Trong giai đoạn 2011-2020, biến động đất đai trên địa bàn huyện Thanh Liêm chủ yếu tập trung vào quỹ đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, đô thị hóa. Trong đó phải kể đến diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất ở, đất sản xuất kinh doanh, đất sản xuất VLXD, khoáng sản. Cụ thể:

+ Diện tích đất trồng lúa chuyên sang đất phi nông nghiệp là 392,29 ha. Trong đó, diện tích đất chuyên trồng lúa nước là 392,29 ha; thấp hơn so với quy hoạch được duyệt là 762,47 ha. Nguyên nhân là do nhiều dự án trong quy hoạch lấy vào đất trồng lúa nhưng chưa thực hiện.

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm chuyên sang đất phi nông nghiệp là 12,20 ha, thấp hơn so với quy hoạch được duyệt là 42,87 ha. Nguyên nhân là do nhiều dự án trong quy hoạch lấy vào đất trồng cây lâu năm nhưng chưa thực hiện.

+ Diện tích đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp là 133,96 ha, nhiều hơn diện tích quy hoạch được duyệt là 44,06 ha.

+ Diện tích đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp là 80,23 ha, cao hơn quy hoạch được duyệt là 43,98 ha.

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp là 42,50 ha, thấp hơn quy hoạch được duyệt là 23,54 ha.

- Những tồn tại và nguyên nhân:

Những tồn tại chính trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất là tỷ lệ các công trình thực hiện còn thấp so với chỉ tiêu quy hoạch đề ra, đồng thời có nhiều công trình được thực hiện nhưng lại không có trong quy hoạch. Do những nguyên nhân chủ yếu sau:

+ Nguồn kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất không có hoặc chưa có dẫn tới việc chưa thể thực hiện các công trình theo quy hoạch đã đề ra.

+ Chính sách pháp luật về đất đai có nhiều thay đổi (đặc biệt là thay đổi liên quan đến giá bồi thường giải phóng mặt bằng), tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng kịp những đòi hỏi trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thiếu quy phạm, chế tài cụ thể để xử lý những phát sinh trong thực tế. Từ đó đã làm ảnh hưởng đến công tác giải phóng mặt bằng (chậm tiến độ) tạo quỹ đất sạch cho các dự án.

+ Một số ngành xây dựng chỉ tiêu quá lớn chưa sát với thực tế.

## **II. ĐỀ XUẤT NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 HUYỆN THANH LIÊM**

### **1. Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất:**

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030		Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025)	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>6.488,54</b>	<b>39,34</b>	<b>7668,14</b>	<b>46,50</b>
-	Đất trồng lúa	4.448,34	26,97	5322,78	32,28
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt</i>	4.448,34	26,97	5322,78	32,28
-	Đất trồng cây lâu năm	219,43	1,33	233,22	1,41
-	Đất rừng phòng hộ	637,56	3,87	709,41	4,30
-	Đất rừng đặc dụng				
-	Đất rừng sản xuất	158,08	0,96	266,61	1,62
	<i>Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên:</i>	158,08	0,96	266,61	1,62
-	Đất nuôi trồng thủy sản	482,19	2,92	532,09	3,23
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>9.371,27</b>	<b>56,82</b>	<b>7965,69</b>	<b>48,30</b>
-	Đất quốc phòng	85,23	0,52	85,10	0,52
-	Đất an ninh	5,26	0,03	2,26	0,01
-	Đất khu công nghiệp	53,37	0,32	53,37	0,32
-	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2.781,82	16,87	2492,35	15,11
+	<i>Đất giao thông</i>	1.765,07	10,70	1698,87	10,30
+	<i>Đất thủy lợi</i>	639,62	3,88	646,14	3,92
+	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	29,12	0,18	15,38	0,09
+	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	5,33	0,03	5,34	0,03
+	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	64,25	0,39	58,23	0,35
+	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	253,67	1,54	44,38	0,27
+	<i>Đất công trình năng lượng</i>	14,08	0,09	14,07	0,09
+	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	1,05	0,01	1,05	0,01
+	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ</i>				
+	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	3,08	0,02	3,08	0,02
+	<i>Đất chợ</i>	6,56	0,04	5,81	0,04
-	Đất ở tại nông thôn	2.077,45	12,60	1597,44	9,69
-	Đất ở tại đô thị	532,03	3,23	226,88	1,38
-	Đất kho dự trữ quốc gia				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	12,19	0,07	0,00	0,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	43,13	0,26	35,35	0,21
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>				
-	Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	887,47	5,38	661,49	0,04
-	Đất chưa sử dụng còn lại	632,00	3,83	857,98	0,05
<b>4</b>	<b>Đất khu công nghệ cao*</b>				
<b>5</b>	<b>Đất khu kinh tế*</b>				
<b>6</b>	<b>Đất đô thị*</b>				



## 2. Sử dụng đất các khu chức năng:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Đất đô thị			Đất khu công nghệ cao			Đất khu kinh tế		
		Hiện trạng	Đề xuất nhu cầu		Hiện trạng	Đề xuất nhu cầu		Hiện trạng	Đề xuất nhu cầu	
			Đến năm 2030	Đến năm 2025		Đến năm 2030	Đến năm 2025		Đến năm 2030	Đến năm 2025
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>1123,12</b>	<b>742,39</b>	<b>966,25</b>						
-	Đất trồng lúa	758,65	433,78	614,86						
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt</i>	758,65	433,78	614,86						
-	Đất trồng cây lâu năm	50,25	45,67	45,99						
-	Đất rừng phòng hộ	147,24	146,73	147,24						
-	Đất rừng đặc dụng									
-	Đất rừng sản xuất	34,23	3,46	34,23						
	<i>Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên:</i>	34,23	3,46	34,23						
-	Đất nuôi trồng thủy sản	86,72	76,91	80,75						
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>778,01</b>	<b>1.178,59</b>	<b>936,70</b>						
-	Đất quốc phòng	18,54	20,20	20,20						
-	Đất an ninh	0,03	2,83	0,23						
-	Đất khu công nghiệp	31,48	31,48	31,48						
-	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	271,62	352,93	330,64						
+	<i>Đất giao thông</i>	<i>196,60</i>	<i>240,30</i>	<i>235,34</i>						
+	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>57,48</i>	<i>63,91</i>	<i>63,93</i>						
+	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>1,55</i>	<i>16,42</i>	<i>3,42</i>						
+	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>2,41</i>	<i>2,41</i>	<i>2,41</i>						
+	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>9,53</i>	<i>12,26</i>	<i>11,76</i>						
+	<i>Đất xây dựng cơ sở TDTT</i>	<i>2,70</i>	<i>16,27</i>	<i>12,43</i>						
+	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>0,62</i>	<i>0,62</i>	<i>0,62</i>						
+	<i>Đất công trình BCVT</i>	<i>0,09</i>	<i>0,09</i>	<i>0,09</i>						
+	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ</i>									
+	<i>Đất xây dựng cơ sở DVXH</i>									
+	<i>Đất chợ</i>	<i>0,63</i>	<i>0,63</i>	<i>0,63</i>						
-	Đất ở tại nông thôn									
-	Đất ở tại đô thị	149,75	382,03	226,88						
-	Đất kho dự trữ quốc gia									
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa									
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,45	0,47	0,47						
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>32,73</b>								
-	Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng		19,85	1,82						
-	Đất chưa sử dụng còn lại		12,88	30,91						

### **3. Đất nông nghiệp xin chuyển mục đích**

Tổng diện tích đất xin chuyển mục đích là 3.413,60 ha. Trong đó: đất trồng lúa: 1.866,81 ha, đất trồng cây lâu năm: 30,21 ha; đất rừng sản xuất: 117,44 ha; đất rừng phòng hộ: 72,39 ha; đất nuôi trồng thủy sản: 116,68 ha.

### **III. ĐÁNH GIÁ NHỮNG TỒN TẠI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC; ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **1. Những tồn tại, khó khăn, vướng mắc**

- Chất lượng quy hoạch còn thấp, thiếu tính bền vững. Phương án quy hoạch chưa dự báo sát tình hình thực tế, còn mang nặng tính chủ quan. Công tác quản lý quy hoạch sau khi được phê duyệt còn nhiều bất cập, dẫn đến tình trạng để dân lấn chiếm, tự chuyển mục đích sử dụng đất trái phép.

- Nhiều trường hợp quy hoạch đúng, rất cần thiết, có lộ trình thực hiện, nhưng do ngân sách không bảo đảm hoặc bị động về nguồn thu nên sau khi công bố triển khai quy hoạch đã phải dừng lại.

- Nhiều khu vực quy hoạch không còn phù hợp với diễn biến của tình hình thực tế hoặc không còn hợp lý, nhưng trong quá trình xử lý còn gặp nhiều vướng mắc, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không tiến hành điều chỉnh hoặc hủy bỏ quy hoạch.

#### **2. Kiến nghị**

Để công tác lập Quy hoạch sử dụng đất thực hiện đúng pháp luật, đi vào nền nếp, là điều kiện giúp quản lý đất đai chặt chẽ và tạo thuận lợi cho người sử dụng đất chủ động khai thác, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, UBND huyện kiến nghị:

- UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cấp quan tâm đầu tư, hỗ trợ nhiều hơn nữa các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật: Giao thông, thủy lợi, điện, nước..., các cơ sở hạ tầng xã hội như giáo dục, văn hóa, y tế, thể thao..., các khu dân cư. Đề nghị các ngành thực hiện đồng bộ các chỉ tiêu đã đề ra trong phương án Quy hoạch sử dụng đất của huyện.

- Sự cần thiết sử dụng vốn đầu tư của huyện trong giai đoạn 2021 - 2030 vào các lĩnh vực cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội là rất lớn so với nguồn lực và khả năng tự cân đối đầu tư của huyện. Để đạt được các chỉ tiêu đề ra thì huyện cần có các giải pháp cụ thể, tranh thủ kịp thời các nguồn vốn ngân sách đầu tư của tỉnh và của trung ương.

- Đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ huyện về việc tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật và bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ phục vụ công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 và đề xuất nhu cầu sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của UBND huyện Thanh Liêm./.

Nơi nhận:  
- Sở TN&MT;  
- Lưu VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lại Thị Ngọc Trâm**